VÌ SAO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NƯỚC TA CÒN Ở DƯỚI MỨC TIỀM NĂNG

NGUYỄN VĂN THẠO*

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và trong suốt gần 20 năm đổi mới vừa qua, kinh tế nước ta liên tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao. Những thành tựu đạt được là rất quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn chưa đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Và nếu so với các nước công nghiệp mới trong thời kỳ đầu phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, hoặc gần đây là Trung Quốc thì còn thấp. Theo nhiều đánh giá, tăng trưởng kinh tế ở nước ta những năm vừa qua vẫn còn ở dưới mức tiềm năng của đất nước, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế đều thấp. Điều đó có nghĩa là kinh tế nước ta còn có khả năng tăng trưởng cao hơn, chất lượng tốt hơn. Đây là một vấn đề rất lớn, cần được phân tích, tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, bởi vì nước ta tuy đã có sự phát triển vượt bậc, nhưng đến nay vẫn chưa thoát khỏi tình trạng là nước nghèo, kinh tế kém phát triển. Vì vậy, những năm tới (khoảng 10 - 15 năm), trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nếu nước ta không duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn hiện nay một cách ổn định thì không những không rút ngắn được khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, mà còn có nguy cơ tụt hậu xa hơn, khi đó hậu quả sẽ rất nghiêm trọng.

Vậy vì sao tăng trưởng kinh tế nước ta còn ở dưới mức tiềm năng? Các ngành, các lĩnh vực, các địa phương khác nhau có thể tìm thấy nhiều nguyên nhân cụ thể khác nhau, nhất là trong thảo luận, xây dựng các văn kiện triển khai Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Nhìn tổng thể nền kinh tế, theo chúng tôi có hai nguyên nhân cơ bản sau đây:

---

* PGS. TS. Văn phòng Trung ương Đảng.

1. Chưa huy động được mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế

Những năm qua, nhờ thực hiện đường lối đổi mới, ở nước ta đã ra đời và phát triển mạnh mẽ kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, làng nghề, các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Trong khi đó, hằng năm Nhà nước vẫn dành tới 30% ngân sách cho đầu tư phát triển, nên đã huy động được những nguồn lực to lớn của đất nước vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, còn tới 20% tiết kiệm nội địa chưa được huy động vào đầu tư. Điều này cũng có thể khẳng định được ngay cả khi không có những đánh giá chính thức của các cơ quan chức năng, mà chỉ bằng những quan sát đời sống kinh tế qua việc người dân mua vàng, đô la, gửi tiền tiết kiệm ở các ngân hàng, mua bán đất đai, nhà cửa có tính chất đầu cơ, hàng hóa có giá trị cao như ô-tô, các trang thiết bị gia đình cao cấp và nhất là qua những đợt Chính phủ phát hành trái phiếu đầu tư cho giáo dục, thủy lợi, giao thông - vận tải, nhiều nghìn tỉ đồng được nhanh chóng mua hết... Lượng vốn đầu tư nước ngoài cũng không ổn định, khi lên, khi xuống. Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta còn rất thấp nếu so sánh với lượng vốn thu hút đầu tư nước ngoài của các nước trong khu vực như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, nhất là Trung Quốc trong những năm gần đây.

Có những lý do khách quan xuất phát từ phía các nhà đầu tư, nhưng về phía chủ quan, chúng tôi cho rằng chỉ có thể giải thích tình hình này là do môi trường đầu tư ở nước ta chưa thật thuận lợi, an toàn, chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư, nhất là đối với thu hút đầu tư nước ngoài trong điều kiện phải cạnh tranh quyết liệt với các nước khác trong khu vực. Sự kém hấp dẫn của môi trường đầu tư lại do nhiều yếu tố, có thể được kể ra như sau:

- *Trước hết* là do sự yếu kém của hệ thống kết cấu hạ tầng. Điện của nước ta còn rất thiếu, đỉnh điểm như thời gian đầu mùa hè vừa qua nhiều tỉnh phía Bắc phải luân phiên cắt điện nhiều ngày. Ngay cả khi có điện, chất lượng nguồn điện cũng chưa ổn định, gây trở ngại không nhỏ cho sản xuất, nhất là đối với các lĩnh vực công nghệ cao yêu cầu phải được bảo đảm nguồn điện năng hết sức ổn định. Giao thông - vận tải, đặc biệt đường sắt, đường bộ chất lượng còn thấp, đường hẹp, nhiều xã, cụm xã chưa có đường ô tô tới trung tâm, làm cho việc vận tải hàng hóa, đi lại của hành khách ở nhiều vùng trong cả nước còn rất khó khăn, ách tắc, không an toàn. Về thông tin - liên lạc, điện thoại di động cũng mới chỉ phủ sóng được ở các thành phố, thị xã, thị trấn lớn. Cước phí các dịch vụ bưu chính, viễn thông cao hơn so với các nước trong khu vực... dẫn tới tăng chi phí sản xuất trong đầu tư. Đây là lý do làm cho đầu tư hiện nay mới chủ yếu tập trung ở các vùng xung quanh thành phố lớn, một số tỉnh đồng bằng, ven biển, dọc các trục giao thông lớn, khu trung tâm, khu ngoại vi, chứ chưa vươn tới được những tỉnh trung du, miền núi có nhiều tiềm năng.

- *Thứ hai*, trong khi số lao động thiếu việc làm, cần có việc làm của nước ta rất nhiều, thì số lao động được đào tạo có thể đáp ứng được ngay yêu cầu của các nhà đầu tư, ngay ở một số lĩnh vực thông thường chứ chưa nói tới các lĩnh vực cần tay nghề cao, trình độ cao lại rất thiếu, góp phần làm cho môi trường đầu tư thêm kém hấp dẫn. Bởi hầu hết các nhà đầu tư, trước hết là những nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào một nước đều luôn muốn sử dụng chủ yếu nguồn nhân lực giá rẻ hơn (so với nước họ) ở nước sở tại.

- *Thứ ba*, môi trường pháp lý vẫn còn nhiều điểm chưa thuận lợi cho các nhà đầu tư. Luật pháp của nước ta đang trong quá trình điều chỉnh nên trong thực tế chưa hoàn thiện, thiếu tính chất đồng bộ, nhiều quy định pháp lý chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Tính ổn định, công khai, minh bạch và hiệu lực thi hành của nhiều văn bản pháp lý thấp gây nhiều khó khăn cho nhà đầu tư trong việc tiên lượng, thực hiện các dự án đầu tư.

- *Thứ tư,* thủ tục hành chính của nước ta còn nhiều phiền hà, tình trạng nhũng nhiễu của nhiều cán bộ, công chức nhà nước chậm được khắc phục. Tình hình này đã và đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, từ việc thẩm định, cấp phép đầu tư đến thực hiện các chính sách ưu đãi đã được quy định đối với nhà đầu tư. Những việc chậm trễ trong giao đất, cho thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, hoàn thành thủ tục hải quan xuất - nhập khẩu hàng hóa và ở nhiều khâu, nhiều lĩnh vực khác có quan hệ với doanh nghiệp đã làm nhà đầu tư mất rất nhiều thời gian, công sức đi lại. Sự chờ đợi đó làm tăng thêm chi phí, lỡ mất cơ hội sản xuất, kinh doanh, gây ấn tượng xấu và làm nản lòng không ít người trong số họ.

- *Thứ năm*, mặc dù qua gần 20 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư và thực hiện sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhưng nhiều doanh nghiệp tư nhân vẫn gặp không ít khó khăn khi muốn tiếp cận các nguồn lực như thuê đất để làm mặt bằng sản xuất, vay vốn để kinh doanh, hoàn thuế giá trị gia tăng, hưởng các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp... Điều đó, cùng với thái độ chung của xã hội phần nào tạo cho nhiều nhà đầu tư tâm lý mặc cảm là họ bị đánh giá là người "bóc lột", thuộc thành phần kinh tế tư bản tư nhân, cộng với nỗi lo sợ trong tương lai sẽ bị "cải tạo"... đã cản trở nhiều các quyết định của nhà đầu tư.

- *Thứ sáu*, đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài, ngoài các yếu tố trên, môi trường đầu tư của nước ta không thật hấp dẫn, không có tính cạnh tranh cao bởi nhiều yếu tố khác như: những quy định rắc rối về quản lý xuất, nhập cảnh và hàng hóa; giá cả nhiều loại dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài thường cao hơn so với người trong nước; thị trường trong nước nhỏ, sức mua thấp; thị trường chứng khoán mới bước đầu hình thành, chưa phát triển; Nhà nước có những quy định quản lý quá chặt chẽ trong việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, trái phiếu của Nhà nước hay phát hành cổ phiếu của họ trên thị trường làm hạn chế khả năng kinh doanh của họ...

2. Hiệu quả sử dụng các nguồn lực thấp

Đây là điều cũng được thừa nhận rộng rãi bởi những biểu hiện của điều này khá rõ và khá phổ biến. Đó là, hiệu quả mang lại của một đồng vốn kinh doanh (thể hiện qua doanh thu và lợi nhuận thu được tính trên một đồng vốn) của nhiều doanh nghiệp và của nền kinh tế nói chung thấp. Nhiều doanh nghiệp và nhiều ngành kinh tế tuy đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng các chi phí trung gian tăng với tốc độ cao hơn, làm cho giá trị gia tăng và sự đóng góp của các doanh nghiệp, ngành kinh tế này vào tăng trưởng GDP của đất nước vẫn còn hạn chế.

Thực tế, năng suất lao động trong hầu hết các ngành kinh tế, cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở nước ta đều thấp so với các nước trong khu vực, kém xa so với các nước kinh tế phát triển trên thế giới. Năng suất trên 1 ha đất canh tác bình quân chung ở mức rất thấp và mức 50 triệu đồng/1 ha/năm vẫn còn là mục tiêu phấn đấu trong nhiều năm nữa của nhiều địa phương trong cả nước, trong khi ở nhiều nước con số này đã đạt hàng tỉ đồng...

Hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn kém cũng biểu hiện ở chỗ chưa tập trung đầu tư cao cho phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư chưa tạo ra được các ngành kinh tế, các sản phẩm mũi nhọn có sức cạnh tranh cao, cũng như chưa tiếp cận được với các công nghệ cao trong nhiều lĩnh vực...

Những yếu tố cản trở thu hút vốn đầu tư như đã trình bày ở trên là những yếu tố đã gây khó khăn, góp phần làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực của các doanh nghiệp đang hoạt động và tăng thêm những yếu kém vốn có của nền kinh tế... Ngoài những nguyên nhân đó còn có:

Một là, những nguyên nhân thuộc về quản lý, chỉ đạo điều hành, cả ở tầm vĩ mô của Nhà nước và vi mô của các doanh nghiệp. Trong đó, trước hết phải nói tới sự lãng phí không nhỏ do sự yếu kém về năng lực và sự cân nhắc thiếu thận trọng trước khi quyết định đầu tư, đặc biệt đối với các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và bằng vốn vay của Nhà nước. Nhiều dự án đầu tư đã được quyết định trong điều kiện không có quy hoạch hoặc không theo quy hoạch, không có cơ sở, khoa học, đầu tư theo kiểu phong trào, như: việc xây dựng các nhà máy xi-măng lò đứng, các nhà máy đường ở nhiều địa phương trước kia và việc xây dựng hệ thống cảng biển, sân bay trong những năm gần đây là những ví dụ điển hình. Kết quả là hàng loạt địa phương đã xây dựng nhà máy xi-măng, nhà máy đường nhưng không tính trước đến việc bảo đảm nguồn nguyên liệu cũng như vấn đề tiêu thụ sản phẩm nên các nhà máy này không sử dụng được hết công suất và thua lỗ. Tương tự, vì có quá nhiều cảng biển được xây dựng, song khả năng cạnh tranh lại kém so với những cảng trong khu vực, nên hàng hóa bốc xếp ít, không phát huy được hiệu quả đầu tư.

Hai là, đầu tư của nước ta còn quá dàn trải, chưa chú ý tới những mục tiêu trọng tâm, trọng điểm. Thậm chí, có những dự án chưa tìm được nguồn vốn

nhưng đã khởi công công trình, sau đó mỗi năm cấp vốn nhỏ giọt làm công trình xây dựng bị kéo dài trong nhiều năm, găm giữ một lượng vốn lớn không đưa vào sử dụng được, gây nên tình trạng nợ đọng vốn đầu tư xây dựng của cả nước lên nhiều nghìn tỉ đồng. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự lành mạnh của nền tài chính đất nước, tới hoạt động của các ngân hàng và doanh nghiệp có vốn chậm được thanh toán. Trong khi đó, một số công trình đã được Nhà nước xác định là cần tạo ra động lực để phát triển cho một ngành, địa phương, nên đã đầu tư lượng vốn lớn, thì công việc triển khai thực hiện lại rất chậm chạp, diễn ra trong nhiều năm, hay có những thất thoát lớn ảnh hưởng tới chất lượng công trình, làm phát sinh nhiều chi phí sửa chữa, khắc phục.

Ba là, nạn tham ô, tham nhũng lãng phí trở nên quá phổ biến. Trong nhiều dự án đầu tư cả bên A, bên B cùng câu kết tham ô một cách tinh vi dưới nhiều hình thức: gian lận, khai khống từ khâu thiết kế, lập dự toán, đấu thầu, thi công... để nâng giá trị công trình; ăn cắp, rút ruột công trình, đánh tráo đưa vào sử dụng các loại vật tư nguyên liệu rẻ tiền chất lượng thấp, những máy móc thiết bị cũ lạc hậu được tân trang lại... Kết quả là nhiều công trình chưa đưa vào sử dụng đã hư hỏng, nhiều nhà máy tuy khánh thành nhưng không đi vào hoạt động được hoặc hoạt động thì thua lỗ do sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao. Có thể nói những thất thoát, lãng phí khá lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của nền kinh tế.

Bốn là, các nguồn lực của Nhà nước trong nhiều trường hợp còn bị sử dụng một cách quá lãng phí, kém hiệu quả. Có thể thấy rõ điều đó qua tình trạng chi tiêu lãng phí vào nhiều hội nghị, tổng kết, lễ kỷ niệm, lễ hội vẫn còn khá lớn. Nguồn vốn viện trợ cho phát triển (ODA) - một nguồn bổ sung rất quan trọng cho đầu tư vì nhiều lý do: thiếu vốn đối ứng, thiếu quy hoạch, thủ tục hành chính phiền hà, khó khăn trong đền bù giải phóng mặt bằng, những yếu kém trong quản lý điều hành dự án... làm cho việc giải ngân chậm chạp, hiệu quả đầu tư thấp cũng gây ra sự lãng phí. Một ví dụ khác là đất đai, một nguồn lực to lớn, quan trọng của đất nước cũng vì những yếu kém trong quản lý, sử dụng nên một bộ phận quan trọng của nguồn lực này chưa được phát huy cho phát triển kinh tế, sử dụng lãng phí và thất thoát lớn, không chỉ tác động xấu tới đời sống kinh tế, mà còn là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới nhiều khiếu kiện, gây nên những khó khăn, phức tạp. Những sự lãng phí trên đưa đến hậu quả là góp phần làm cho hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đất nước thêm kém và sự khan hiếm nguồn lực càng trở nên gay gắt.

Năm là, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp quá thấp. Các doanh nghiệp nhà nước sau nhiều năm được sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa một cách chậm chạp, đến nay đang vẫn trong tình trạng cũ. Đó là, tuy nắm giữ một khối lượng tài sản rất lớn, nhưng chỉ đóng góp hơn 40% GDP cho đất nước. Tỷ trọng doanh nghiệp có quy mô nhỏ khá cao (số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 5 tỉ đồng vẫn còn chiếm tới hơn 40%). Tình trạng này chậm

được cải thiện do nhiều doanh nghiệp có trình độ công nghệ, đặc biệt trình độ quản trị kinh doanh thấp, công tác quản lý tài chính kém, chi tiêu lãng phí, tiêu cực, tham nhũng, nên doanh nghiệp hoạt động rất khó khăn, không hiệu quả, thậm chí có doanh nghiệp để tình trạng thua lỗ kéo dài, đứng trước nguy cơ phá sản. Ngay cả một số doanh nghiệp nhà nước lớn, các tổng công ty như dầu khí, điện lực, hàng không, hàng hải... và cả một số ngân hàng thương mại nhà nước, mặc dù được nguồn vốn lớn, đầu tư công nghệ cao, nhưng những hạn chế, lỏng lẻo trong quản lý kinh doanh cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả. Đối với các doanh nghiệp tư nhân mới hình thành và phát triển trong những năm đổi mới, đặc biệt từ sau khi có Luật Doanh nghiệp, nên thời gian hoạt động còn ngắn, hầu hết chỉ là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn ít, công nghệ thấp, hạn chế về trình độ và không có nhiều mối quan hệ quốc tế, thậm chí một số doanh nghiệp lại làm ăn chụp giật, thông đồng với cán bộ quản lý nhà nước, với doanh nghiệp nhà nước để thu lợi bất chính nên hiệu quả kinh doanh thấp là điều khó tránh khỏi.

Tóm lại, chính các nguyên nhân trên đã khiến sự phát triển kinh tế của nước ta còn dưới mức tiềm năng. Sự phân tích những nguyên nhân đó để tìm ra các biện pháp khắc phục là rất cần thiết. Song, điều quan trọng từ những phân tích trên cần phải có sự nỗ lực chung tích cực của cả nước mới có thể huy động tối đa được mọi nguồn lực, phát huy và sử dụng những nguồn lực đó với hiệu quả cao nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của nền kinh tế. Một khi chưa tạo được quyết tâm chung thì chắc chắn sự phát triển dưới mức tiềm năng của đất nước sẽ là điều khó tránh khỏi(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 21/2005.